

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026

17/8/2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	Kiều Gia An	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
2	Lê Đặng Quỳnh Anh	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
4	Phạm Hoài Bằng	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
5	Huỳnh Phạm Gia Bảo	Nam	Kinh	10A1	11A1	
6	Đinh Diệu Châu	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
7	Ngô Văn Hải Đăng	Nam	Kinh	10A1	11A1	
8	Đỗ Thành Đạt	Nam	Kinh	10A1	11A1	
9	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	Kinh	10A1	11A1	
10	Tuấn Anh Ênuôl	Nam	Ê Đê	10A1	11A1	
11	Trịnh Thái Hòa	Nam	Kinh	10A1	11A1	
12	Lê Đăng Hoàng	Nam	Kinh	10A1	11A1	
13	Nguyễn Thị Thu Hồng	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
14	Phan Ngọc Hùng	Nam	Kinh	10A1	11A1	
15	Phùng Thị Thanh Huyền	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
16	Võ Nhật Khang	Nam	Kinh	10A1	11A1	
17	Vũ Ngọc Trúc Linh	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
18	Nguyễn Hoàng Long	Nam	Kinh	10A1	11A1	
19	Nguyễn Quốc Bảo Long	Nam	Mường	10A1	11A1	
20	Võ Khánh Ly	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
21	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
22	Nguyễn Đức Minh	Nam	Kinh	10A1	11A1	
23	Vũ Lê Thảo My	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
24	Lê Nhật Khôi My	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
25	Nguyễn Trà My	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
26	Nguyễn Võ Trà My	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
27	Huỳnh Thị Bảo Ngọc	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
28	Nguyễn Song Nguyên	Nam	Kinh	10A1	11A1	
29	Nguyễn Đặng Hoài Như	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
30	Nguyễn Hoàng Thảo Ny	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
31	Nguyễn Đỗ Hồng Phúc	Nam	Kinh	10A1	11A1	
32	Đinh Quang Phúc	Nam	Kinh	10A1	11A1	
33	Nguyễn Trung Quang	Nam	Kinh	10A1	11A1	
34	Trần Tiến Thành	Nam	Kinh	10A1	11A1	
35	Lê Chí Thành	Nam	Kinh	10A1	11A1	
36	Hoàng Thị Phương Thảo	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
37	Huỳnh Trần Anh Thư	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
38	Nguyễn Trần Anh Thư	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
39	Lưu Thị Bảo Trân	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
40	Nguyễn Thị Uyên Trang	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
41	Đinh Thùy Cát Tường	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
42	Đinh Thị Ánh Tuyết	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
43	Phạm Hữu Văn	Nam	Kinh	10A1	11A1	
44	Nguyễn Tuấn Vũ	Nam	Kinh	10A1	11A1	
45	Nguyễn Thị Đặng Vy	Nữ	Kinh	10A1	11A1	
46	Lê Huỳnh Khả Vy	Nữ	Kinh	10A1	11A1	

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026

17/8/2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	Nguyễn Văn An	Nam	Kinh	10A2	11A2	
2	Nguyễn Quang Anh	Nam	Kinh	10A2	11A2	
3	Đỗ Tiến Đạt	Nam	Kinh	10A2	11A2	
4	Huỳnh Thị Hà Diệp	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
5	Hồ Thị Thùy Dung	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
6	Nguyễn Văn Hiến	Nam	Kinh	10A2	11A2	
7	Bùi Thị Thiên Hương	Nữ	Mường	10A2	11A2	
8	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Nam	Kinh	10A2	11A2	
9	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
10	Phạm Khánh Huyền	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
11	Đinh Văn Gia Huynh	Nam	Kinh	10A2	11A2	
12	Nguyễn Minh Khoa	Nam	Kinh	10A2	11A2	
13	Phạm Hữu Khoa	Nam	Kinh	10A2	11A2	
14	H' Trūk Knul	Nữ	Ê Đê	10A2	11A2	
15	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
16	Nguyễn Tấn Lộc	Nam	Kinh	10A2	11A2	
17	Đỗ Ngọc Bảo Long	Nam	Kinh	10A2	11A2	
18	Trần Quang Minh	Nam	Kinh	10A2	11A2	
19	Trần Thị Mỹ	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
20	Nguyễn Việt Huyền Mỹ	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
21	Nguyễn Đức Gia Nam	Nam	Kinh	10A2	11A2	
22	Đặng Ngọc Thiên Ngân	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
23	Đậu Nguyễn Bảo Nguyên	Nam	Kinh	10A2	11A2	
24	Lê Trần Hoàng Nguyên	Nam	Kinh	10A2	11A2	
25	Trịnh Thị Bình Nguyên	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
26	Văn Kim Hiếu Nhất	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
27	Hoàng Khánh Tú Nhi	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
28	Trần Thảo Như	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
29	Đặng Thị Thanh Phượng	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
30	Nguyễn Hạnh Quyên	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
31	Đỗ Lê Ngọc Quyên	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
32	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	Kinh	10A2	11A2	
33	Phạm Thị Thanh Tâm	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
35	Mai Hoàng Thư	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
36	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
37	Nguyễn Thuận	Nam	Kinh	10A2	11A2	
38	Trịnh Ngọc Thương	Nam	Kinh	10A2	11A2	
39	Nguyễn Phương Thùy	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
40	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
41	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
42	Hồ Bảo Trân	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
43	Phan Đức Anh Tú	Nam	Kinh	10A2	11A2	
44	Nguyễn Phương Uyên	Nữ	Kinh	10A2	11A2	
45	Trương Phan Anh Vũ	Nam	Kinh	10A2	11A2	
46	Nguyễn Phan Thành Vỹ	Nam	Kinh	10A2	11A2	

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026

17/8/2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	Đỗ Tuấn Anh	Nam	Kinh	10A3	11A3	
2	Lương Ngọc Anh	Nữ	Thái	10A3	11A3	
3	Phạm Vũ Mai Thu Anh	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
4	Vũ Trang Anh	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
5	H' Diệp Knul	Nữ	Ê Đê	10A3	11A3	
6	La Thị Diệu	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
7	Phan Thị Kỳ Duyên	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
8	H' Giô Na Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A3	11A3	
9	Phạm Nguyên Hạnh	Nam	Kinh	10A3	11A3	
10	Nguyễn Gia Hân	Nam	Kinh	10A3	11A3	
11	Kiều Xuân Hên	Nam	Kinh	10A3	11A3	
12	Lê Đình Hiên	Nam	Kinh	10A3	11A3	
13	Đào Văn Huy	Nam	Kinh	10A3	11A3	
14	Trần Văn Huy	Nam	Kinh	10A3	11A3	
15	Vũ Ngọc Gia Huy	Nam	Kinh	10A3	11A3	
16	Lê Đại Hùng	Nam	Kinh	10A3	11A3	
17	Nguyễn Quang Phi Hùng	Nam	Kinh	10A3	11A3	
18	Nguyễn Trọng Bảo Hưng	Nam	Kinh	10A3	11A3	
19	Phạm Bảo Gia Hưng	Nam	Kinh	10A3	11A3	
20	Phạm Hồ Gia Hưng	Nam	Kinh	10A3	11A3	
21	Nguyễn Công Đăng Khoa	Nam	Kinh	10A3	11A3	
22	Đặng Hoàng Long	Nam	Kinh	10A3	11A3	
23	Lê Long	Nam	Kinh	10A3	11A3	
24	Nguyễn Đức Lương	Nam	Kinh	10A3	11A3	
25	Ma Thị Thúy Nga	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
26	Lương Thị Thảo Nguyên	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
27	Đoàn Thiên Nhi	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
28	Lê Tố Nhiên	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
29	Phan Quỳnh Nhung	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
30	Nguyễn Thị Lan Ninh	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
31	Mai Văn Phát	Nam	Kinh	10A3	11A3	
32	Trần Duy Phương	Nam	Kinh	10A3	11A3	
33	H' Ria B'ya	Nữ	Ê Đê	10A3	11A3	
34	Y Sac Knul	Nam	Ê Đê	10A3	11A3	
35	Nguyễn Ngọc Thịnh	Nam	Kinh	10A3	11A3	
36	Lê Nhật Tiến	Nam	Kinh	10A3	11A3	
37	Nguyễn Thị Kim Trâm	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
38	Thân Phương Uyên	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
39	Trần Thị Nhã Uyên	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
40	Đỗ Phạm Kiều Vy	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
41	Trần Thị Bảo Yên	Nữ	Kinh	10A3	11A3	
42	Nguyễn Duy Hưng	Nam	Kinh	10A3	11A3	
43	Nguyễn Đức Trọng	Nam	Kinh	10A3	11A3	
44	Nguyễn Anh Kiệt	Nam	Kinh	10A3	11A3	
45	Nguyễn Trần Thái Bảo	Nam	Kinh	Ctr	11A3	

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026**17/8/2025**

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	Đào Quốc An	Nam	Kinh	10A4	11A4	
2	Hồ Xuân Anh	Nam	Kinh	10A4	11A4	
3	Nguyễn Công Tuấn Anh	Nam	Kinh	10A4	11A4	
4	Trần Văn Anh	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
5	H' Âm Niê	Nữ	Ê Đê	10A4	11A4	
6	Nguyễn Nguyên Gia Bảo	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
7	Phạm Băng Băng	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
8	Hoàng Quốc Bi	Nam	Tày	10A4	11A4	
9	Đinh Nguyễn Hải Chi	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
10	Đinh Công Chính	Nam	Kinh	10A4	11A4	
11	Vũ Thị Duyên	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
12	Nguyễn Minh Đức	Nam	Kinh	10A4	11A4	
13	Nguyễn Thị Xuân Hà	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
14	Đinh Thị Hồng Hạnh	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
15	Lại Đặng Ngọc Hoàng	Nam	Kinh	10A4	11A4	
16	Nguyễn Đức Hòa	Nam	Kinh	10A4	11A4	
17	Đặng Nguyễn Anh Khoa	Nam	Kinh	10A4	11A4	
18	Phạm Thị Khánh Linh	Nữ	Tày	10A4	11A4	
19	Phạm Hùng Long	Nam	Kinh	10A4	11A4	
20	Đỗ Công Minh	Nam	Kinh	10A4	11A4	
21	H' Mrăng B yă	Nữ	Ê Đê	10A4	11A4	
22	Phạm Hữu Nhân	Nam	Kinh	10A4	11A4	
23	Trương Thị Ngọc Ny	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
24	Hồ Khánh - Phương	Nam	Kinh	10A4	11A4	
25	Nguyễn Thế Quang	Nam	Kinh	10A4	11A4	
26	Bùi Vũ Anh Quân	Nam	Mường	10A4	11A4	
27	Võ Trọng Sáng	Nam	Kinh	10A4	11A4	
28	Võ Đình Sự	Nam	Kinh	10A4	11A4	
29	Đinh Duy Tài	Nam	Kinh	10A4	11A4	
30	Văn Thông	Nam	Kinh	10A4	11A4	
31	Võ Quốc Thuận	Nam	Kinh	10A4	11A4	
32	Nguyễn Lê Ngọc Thùy	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
33	Phan Thị Huyền Trang	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
34	Hoàng Thị Bảo Trâm	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
35	Võ Thị Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
36	Đinh Trần Bảo Trân	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
37	Trần Thị Trinh	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
38	Nguyễn Minh Trung	Nam	Kinh	10A4	11A4	
39	Văn Thị Nhã Trúc	Nữ	Kinh	10A4	11A4	
40	Nguyễn Tất Việt	Nam	Kinh	10A4	11A4	
41	Vũ Trần Kiến Quốc	Nam	Kinh	10A4	11A4	

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026

17/8/2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	Phạm Đình An	Nam	Kinh	10A5	11A5	
2	Hoàng Quỳnh Anh	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
3	Thân Tuấn Anh	Nam	Kinh	10A5	11A5	
4	H' A Wi La Niê	Nữ	Ê Đê	10A5	11A5	
5	Lê Phạm Huy Bảo	Nam	Kinh	10A5	11A5	
6	Ngô Gia Bảo	Nam	Kinh	10A5	11A5	
7	Vương Gia Bảo	Nam	Kinh	10A5	11A5	
8	Nguyễn Thị Lệ Duyên	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
9	Hoàng Minh Dương	Nam	Kinh	10A5	11A5	
10	Dương Thị Thanh Hằng	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
11	Phan Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
12	Trần Gia Hân	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
13	Hàn Thị Thanh Hiền	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
14	Lê Quốc Hoàn	Nam	Kinh	10A5	11A5	
15	Ngô Quang Việt Hoàng	Nam	Kinh	10A5	11A5	
16	Hứa Thị Thu Hồng	Nữ	Nùng	10A5	11A5	
17	Nguyễn Sĩ Hùng Bkrông	Nam	Kinh	10A5	11A5	
18	Nguyễn Đức Huy	Nam	Kinh	10A5	11A5	
19	Đỗ Nguyễn Nam Khánh	Nam	Kinh	10A5	11A5	
20	Nguyễn Phùng Khánh Linh	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
21	Trương Tuệ Linh	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
22	Vũ Hoài Linh	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
23	Văn Đình Lộc	Nam	Kinh	10A5	11A5	
24	Vũ Trọng Lương	Nam	Kinh	10A5	11A5	
25	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
26	H' Nia - Byă	Nữ	Ê Đê	10A5	11A5	
27	Mô Thị Kim Oanh	Nữ	Mường	10A5	11A5	
28	Nguyễn Đức Thiên Phúc	Nam	Kinh	10A5	11A5	
29	Hồ Thị Thanh Tâm	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
30	Nguyễn Viết Thắng	Nam	Kinh	10A5	11A5	
31	Đỗ Đặng Bích Thùy	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
32	Cù Phạm Anh Thư	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
33	Hoàng Thị Hoài Thương	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
34	Lê Thị Hoài Thương	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
35	Phạm Tiến	Nam	Kinh	10A5	11A5	
36	Bùi Văn Tình	Nam	Kinh	10A5	11A5	
37	Y - Trai Hmők	Nam	Ê Đê	10A5	11A5	
38	Đinh Thị Thùy Trang	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
39	Hồ Thị Thu Trúc	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
40	Lê Anh Tuấn	Nam	Kinh	10A5	11A5	
41	Nguyễn Đức Anh Vũ	Nam	Kinh	10A5	11A5	
42	Đào Thị Thảo Vy	Nữ	Kinh	10A5	11A5	
43	Nguyễn Đình Gia Vỹ	Nam	Kinh	10A5	11A5	
44	Cao Võ Thảo Nguyên	Nữ	Kinh	10A5	11A5	

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026

17/8/2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	Đậu Thùy An	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
2	Đinh Thị Quỳnh Anh	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
3	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
4	Trần Cao Anh	Nam	Kinh	10A6	11A6	
5	Dương Thị Ngọc Ánh	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
6	Nguyễn Ánh Duyên	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
7	Hồ Trung Hiếu	Nam	Kinh	10A6	11A6	
8	Lê Thị Thanh Hoa	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
9	Hoàng Thị Hương	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
10	Nguyễn Thiên Hương	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
11	Nguyễn Anh Khoa	Nam	Kinh	10A6	11A6	
12	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
13	Đồng Diệu Ly	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
14	Lâm Thị Trà My	Nữ	Nùng	10A6	11A6	
15	Nguyễn Thị Thảo My	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
16	Trần Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
17	Hồ Lê Nhân	Nam	Kinh	10A6	11A6	
18	Đặng Thị Nhi	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
19	Nguyễn Yến Nhi	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
20	Nguyễn Văn Phát	Nam	Kinh	10A6	11A6	
21	Hoàng Gia Phúc	Nam	Kinh	10A6	11A6	
22	Lê Thị Phương	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
23	Nguyễn Thị Nhã Quyên	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
24	Phan Thị Ngọc Quyên	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
25	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
26	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
27	Võ Như Quỳnh	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
28	Hồ Thị Thanh Tâm	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
29	Trần Đức Thịnh	Nam	Kinh	10A6	11A6	
30	Hà Nguyễn Phương Thủy	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
31	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
32	Phạm Minh Thư	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
33	Huỳnh Thị Thủy Tiên	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
34	Nguyễn Phước Tiến	Nam	Kinh	10A6	11A6	
35	Bùi Nguyễn Huyền Trang	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
36	H' Trang Niê	Nữ	Ê Đê	10A6	11A6	
37	Phạm Thị Thanh Tuyền	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
38	Nguyễn Đăng Tú	Nam	Kinh	10A6	11A6	
39	Nguyễn Văn Ngọc Tú	Nam	Kinh	10A6	11A6	
40	Cao Phan Tú Uyên	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
41	Nguyễn Hà Phương Uyên	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
42	Phan Hoàng Trúc Uyên	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
43	Lê Anh Vân	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
44	Vương Thảo Vy	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
45	Văn Thị Mỹ Yến	Nữ	Kinh	10A6	11A6	
46	Lê Nhật Nam	Nam	Kinh	10A6	11A6	

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026

17/8/2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	Trần Thị Lan Anh	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
2	Nguyễn Trần Hoài Băng	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
3	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Nữ	Mường	10A7	11A7	
4	Hà Thị Chi	Nữ	Mường	10A7	11A7	
5	Y Han Hdrue	Nam	Ê Đê	10A7	11A7	
6	Phạm Thị Thanh Hiền	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
7	Nguyễn Văn Chung Hiếu	Nam	Kinh	10A7	11A7	
8	Lê Thị Mỹ Huỳnh	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
9	Vũ Thị Mai Hương	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
10	H La Sa Êban	Nữ	Ê Đê	10A7	11A7	
11	H - Lê Na Kmăn Byă	Nữ	Ê Đê	10A7	11A7	
12	Trần Khánh Linh	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
13	Trần Phi Long	Nam	Kinh	10A7	11A7	
14	Nguyễn Ngọc Giao Minh	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
15	Văn Thị Thúy Ngà	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
16	Trần Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
17	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
18	Phạm Đức Thiện Nhân	Nam	Kinh	10A7	11A7	
19	Nguyễn Lê Yến Nhi	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
20	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
21	Nguyễn Thị Ngọc Như	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
22	Nguyễn Thị Quỳnh Phúc	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
23	Lê Đình Phương	Nam	Kinh	10A7	11A7	
24	Lê Thị Phục Quyên	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
25	Phùng Mai Quyên	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
26	Lầy Văn Quỳnh	Nam	Nùng	10A7	11A7	
27	Lê Trần Mai Quỳnh	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
28	H - Sa Lan Êñuôl	Nữ	Ê Đê	10A7	11A7	
29	Đỗ Anh Thư	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
30	Huỳnh Thị Anh Thư	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
31	Khúc Minh Thư	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
32	Phan Thị Thương	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
33	Nguyễn Hữu Thương	Nam	Kinh	10A7	11A7	
34	Nguyễn Phạm An Thy	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
35	Hà Kiều Trang	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
36	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
37	Trần Thị Mỹ Trà	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
38	Nguyễn Minh Trí	Nam	Kinh	10A7	11A7	
39	Trần Văn Trục	Nam	Kinh	10A7	11A7	
40	Nguyễn Ngọc Tú	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
41	Nguyễn Thị Khánh Vân	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
42	Đào Văn Vĩ	Nam	Kinh	10A7	11A7	
43	Nguyễn Trần Na Vy	Nữ	Kinh	10A7	11A7	
44	Phạm Thị Tường Vy	Nữ	Kinh	10A7	11A7	

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026

17/8/2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	Nguyễn Bảo Anh	Nam	Kinh	10A8	11A8	
2	Nguyễn Thị Mỹ Anh	Nữ	Kinh	10A8	11A8	
3	Trần Thị Ngọc Anh	Nữ	Sán Chay	10A8	11A8	
4	Vũ Thị Hải Anh	Nữ	Kinh	10A8	11A8	
5	Y- Asian Niê	Nam	Ê Đê	10A8	11A8	
6	Nguyễn Văn Bảo	Nam	Kinh	10A8	11A8	
7	H' Be Ri Hđốc	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
8	Y - Bình Niê	Nam	Ê Đê	10A8	11A8	
9	H' Châu Buôn Yă	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
10	Nguyễn Văn Cường	Nam	Kinh	10A8	11A8	
11	H' Dâu Knul	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
12	H' Dục Êñuôl	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
13	H' Đhoanh Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
14	Nguyễn Hữu Hàng	Nam	Kinh	10A8	11A8	
15	Lê Viết Hảo	Nam	Kinh	10A8	11A8	
16	Trần Thị Thúy Hằng	Nữ	Kinh	10A8	11A8	
17	Phạm Thị Huê	Nữ	Kinh	10A8	11A8	
18	Lê Diễm Quỳnh Hương	Nữ	Kinh	10A8	11A8	
19	H Ju Li Êban	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
20	H' Juôl Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
21	Y Kha Hmők	Nam	Ê Đê	10A8	11A8	
22	Y- Khim Knul	Nam	Ê Đê	10A8	11A8	
23	Hoàng Văn Khôi	Nam	Tày	10A8	11A8	
24	Trần Thị Thảo Ly	Nữ	Kinh	10A8	11A8	
25	H' Mê Ry Byă	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
26	Đặng Thị Trà My	Nữ	Kinh	10A8	11A8	
27	Võ Kiều My	Nữ	Kinh	10A8	11A8	
28	Quan Thi Hồng Nhi	Nữ	Tày	10A8	11A8	
29	Phạm Huỳnh Phúc	Nam	Kinh	10A8	11A8	
30	Trần Anh Quân	Nam	Kinh	10A8	11A8	
31	H' Radil Hđốc	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
32	H Si Na Bđap	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
33	H Si Yong Hmok	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
34	Nông Anh Thảo	Nữ	Tày	10A8	11A8	
35	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	Kinh	10A8	11A8	
36	Y- Tin Byă	Nam	Ê Đê	10A8	11A8	
37	Nguyễn Ngọc Toàn	Nam	Kinh	10A8	11A8	
38	Võ Văn Trường	Nam	Kinh	10A8	11A8	
39	H' Tuệ Hmők	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
40	Nguyễn Đình Vinh	Nam	Kinh	10A8	11A8	
41	H Su Uyn Niê	Nữ	Ê Đê	10A8	11A8	
42	Bùi Triệu Ánh Dương	Nam	Kinh	10A8	11A8	
43	Phan Thiên Bảo	Nam	Kinh	10A8	11A8	

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026

17/8/2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	Lâm Thị Vân Anh	Nữ	Kinh	10A9	11A9	
2	Phan Phụng Gia Bảo	Nam	Kinh	10A9	11A9	
3	Thiều Thiệu Bân	Nam	Kinh	10A9	11A9	
4	Lê Đức Cường	Nam	Kinh	10A9	11A9	
5	Phạm Quốc Cường	Nam	Kinh	10A9	11A9	
6	H Dôn - Niê	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
7	Hoàng Đức Đại	Nam	Kinh	10A9	11A9	
8	H' Giñ Hmők	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
9	Trần Thị Thu Hằng	Nữ	Kinh	10A9	11A9	
10	H' Hê Êban	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
11	Huỳnh Huy Hoàng	Nam	Kinh	10A9	11A9	
12	Trương Minh Hưng	Nam	Kinh	10A9	11A9	
13	Lê Duy Hữu	Nam	Kinh	10A9	11A9	
14	H- Jan - Êban	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
15	H' Ji Na Ađrõng	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
16	H' Khê Byă	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
17	H - Linh Dêa Êban	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
18	Y Li Van Bkrông	Nam	Ê Đê	10A9	11A9	
19	Hoàng Họa My	Nữ	Kinh	10A9	11A9	
20	Nguyễn Thị Hoàn Mỹ	Nữ	Kinh	10A9	11A9	
21	H' Ngơ Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
22	Nguyễn Thái Nguyên	Nam	Kinh	10A9	11A9	
23	Lê Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	10A9	11A9	
24	Huỳnh Thị Mỹ Phương	Nữ	Kinh	10A9	11A9	
25	H' Rô Bi Niê	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
26	Lê Phan Bảo Thi	Nữ	Kinh	10A9	11A9	
27	Trần Đắc Vũ Thịnh	Nam	Kinh	10A9	11A9	
28	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	Kinh	10A9	11A9	
29	Phan Thị Hà Tiên	Nữ	Kinh	10A9	11A9	
30	H Tíu Hdruê	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
31	Nguyễn Khánh Toàn	Nam	Kinh	10A9	11A9	
32	Phạm Văn Trường	Nam	Kinh	10A9	11A9	
33	Trần Xuân Trường	Nam	Kinh	10A9	11A9	
34	H Trũk Kmăn	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
35	H' Tuệ Êban	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
36	H' Tuyết Knul	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
37	Nguyễn Thị Bảo Uyên	Nữ	Kinh	10A9	11A9	
38	Y Win Ađrõng	Nam	Ê Đê	10A9	11A9	
39	H' Wrot Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	
40	H' Yu Na Buôn Krông	Nữ	Ê Đê	10A9	11A9	

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026

17/8/2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	H' An Ni Byă	Nữ	Ê Đê	10A10	11A10	
2	Y Bảo Knul	Nam	Ê Đê	10A10	11A10	
3	Nguyễn Dương Chi	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
4	Trần Thị Kim Chi	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
5	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
6	Nguyễn Thị Mai Ngọc Hằng	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
7	Đinh Minh Hiếu	Nam	Kinh	10A10	11A10	
8	Ngô Văn Hiếu	Nam	Kinh	10A10	11A10	
9	Nguyễn Ngọc Huy	Nam	Kinh	10A10	11A10	
10	Đàm Nguyên Khang	Nam	Nùng	10A10	11A10	
11	Hồ Gia Khiêm	Nam	Kinh	10A10	11A10	
12	Đỗ Mai Hoàng Lan	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
13	H' Linh Đa Êčăm Niê	Nữ	Ê Đê	10A10	11A10	
14	H' Luôr Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A10	11A10	
15	Huỳnh Thị Yến Ly	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
16	Nguyễn Tấn Mạnh	Nam	Kinh	10A10	11A10	
17	H' Minh Anh Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A10	11A10	
18	Trần Trọng Nghĩa	Nam	Kinh	10A10	11A10	
19	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
20	H - Nguyễn Buôn Dap	Nữ	Ê Đê	10A10	11A10	
21	H' Nhung Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A10	11A10	
22	Lâm Tâm Như	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
23	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
24	H Nim Ênuôl	Nữ	Ê Đê	10A10	11A10	
25	H' Ni Na Buôn Krông	Nữ	Ê Đê	10A10	11A10	
26	H' Nuaih Hmők	Nữ	Ê Đê	10A10	11A10	
27	Y Phia Bkrông	Nam	Ê Đê	10A10	11A10	
28	Hồ Ngọc Phương	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
29	Hồ Diễm Quỳnh	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
30	Đoàn Y Thích Bkrông	Nam	Ê Đê	10A10	11A10	
31	Nguyễn Phúc Thiện	Nam	Kinh	10A10	11A10	
32	Vi Thị Thanh Thúy	Nữ	Tày	10A10	11A10	
33	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
34	Bùi Thị Hoài Thương	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
35	Y - Tony Hmők	Nam	Ê Đê	10A10	11A10	
36	Huỳnh Thị Yến Trang	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
37	Trần Thị Bích Trâm	Nữ	Kinh	10A10	11A10	
38	Mông Nguyễn Ngọc Tuyền	Nữ	Nùng	10A10	11A10	
39	Nguyễn Triệu Vỹ	Nam	Kinh	10A10	11A10	
40	H' Yiêm Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A10	11A10	
41	Y - Zu Bin - Kmăn	Nam	Ê Đê	10A10	11A10	
42	Nguyễn Thị Nhật Lệ	Nữ	Kinh	10A10	11A10	

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026

17/8/2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	H' Âu Hmők	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
2	H' Bích Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
3	H' Dấu Êban	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
4	H' Đêm Knul	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
5	Nguyễn Văn Đức Hiếu	Nam	Kinh	10A11	11A11	
6	Y- Hiếu Knul	Nam	Ê Đê	10A11	11A11	
7	H' Ji Na Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
8	H' Ju Liam Bdap	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
9	H' Junhi Êban	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
10	Y Khel Li Bkrông	Nam	Ê Đê	10A11	11A11	
11	Nguyễn Văn Kỳ	Nam	Kinh	10A11	11A11	
12	H Lê Na Niê Kdăm	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
13	Nguyễn Kim Khánh Ly	Nữ	Kinh	10A11	11A11	
14	Nguyễn Văn Minh	Nam	Kinh	10A11	11A11	
15	Nguyễn Trà My	Nữ	Kinh	10A11	11A11	
16	Nguyễn Hoài Nam	Nam	Kinh	10A11	11A11	
17	H' Nêp Êñuôl	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
18	H' Ngai Niê	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
19	Nguyễn Thị Thúy Ngọc	Nữ	Kinh	10A11	11A11	
20	H' Nguyễn Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
21	Nguyễn Thế Nhật	Nam	Kinh	10A11	11A11	
22	Nguyễn Thị Tố Nhi	Nữ	Kinh	10A11	11A11	
23	Trần Thị Tuyết Nhi	Nữ	Kinh	10A11	11A11	
24	Trần Thị Diễm Quỳnh	Nữ	Kinh	10A11	11A11	
25	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	Kinh	10A11	11A11	
26	Y Quý Hmők	Nam	Ê Đê	10A11	11A11	
27	H Răng Niê	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
28	Nông Quý Sang	Nam	Tày	10A11	11A11	
29	Y - Tân Buôn Krông	Nam	Ê Đê	10A11	11A11	
30	Lê Viết Thiện	Nam	Kinh	10A11	11A11	
31	Nguyễn Văn Thông	Nam	Kinh	10A11	11A11	
32	Y- Thức Knul	Nam	Ê Đê	10A11	11A11	
33	Võ Văn Tiến	Nam	Thái	10A11	11A11	
34	Lê Thị Mai Trinh	Nữ	Kinh	10A11	11A11	
35	H-tuệ Êñuôl	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
36	Nguyễn Thị Mỹ Tuyền	Nữ	Kinh	10A11	11A11	
37	Y- Tương Bkrông	Nam	Ê Đê	10A11	11A11	
38	Nguyễn Thị Thảo Uyên	Nữ	Kinh	10A11	11A11	
39	H' Cín Knul	Nữ	Ê Đê	10A11	11A11	
40	Đặng Đình Ngọc	Nam	Kinh	10A11	11A11	

DANH SÁCH LỚP 11 NĂM HỌC 2025-2026

17/8/2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Lớp cũ	Lớp mới	Ghi chú
1	Huỳnh An	Nam	Kinh	10A12	11A12	
2	Nguyễn Thế Bảo	Nam	Tày	10A12	11A12	
3	H' Brei Byă	Nữ	Ê Đê	10A12	11A12	
4	Nguyễn Thị Thu Diệu	Nữ	Kinh	10A12	11A12	
5	H Duyên Hmők	Nữ	Ê Đê	10A12	11A12	
6	Nguyễn Thị Thảo Duyên	Nữ	Kinh	10A12	11A12	
7	Phạm Hồ Mỹ Hạnh	Nữ	Kinh	10A12	11A12	
8	Nguyễn Thị Hồng Hân	Nữ	Kinh	10A12	11A12	
9	Hoàng Trung Hiếu	Nam	Kinh	10A12	11A12	
10	Lê Thị Minh Hồng	Nữ	Kinh	10A12	11A12	
11	H' Jiwia Niê Siêng	Nữ	Ê Đê	10A12	11A12	
12	H -juhi B-dap	Nữ	Ê Đê	10A12	11A12	
13	Y - Khen Êñuôl	Nam	Ê Đê	10A12	11A12	
14	Lê Khắc Kiệt	Nam	Kinh	10A12	11A12	
15	Phạm Như Lạc	Nữ	Kinh	10A12	11A12	
16	Nông Thị Thúy Liên	Nữ	Tày	10A12	11A12	
17	Y Mikel Êñuôl	Nam	Ê Đê	10A12	11A12	
18	Phạm Quang Minh	Nam	Kinh	10A12	11A12	
19	H' My - Ka - Ktur	Nữ	Ê Đê	10A12	11A12	
20	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	Kinh	10A12	11A12	
21	H' Qúi Byă	Nữ	Ê Đê	10A12	11A12	
22	H' Sa Mau Byă	Nữ	Ê Đê	10A12	11A12	
23	H' Sen Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A12	11A12	
24	Y - Sim Knul	Nam	Ê Đê	10A12	11A12	
25	Lê Văn Sơn	Nam	Kinh	10A12	11A12	
26	H' Su Chin Byă	Nữ	Ê Đê	10A12	11A12	
27	Y- Thau Niê	Nam	Ê Đê	10A12	11A12	
28	Trần Thị Thu Thùy	Nữ	Kinh	10A12	11A12	
29	Lương Thị Nhất Ngân Thương	Nữ	Kinh	10A12	11A12	
30	Hồ Đình Tiền	Nam	Kinh	10A12	11A12	
31	Lê Duy Hoàng Tiền	Nữ	Kinh	10A12	11A12	
32	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	10A12	11A12	
33	Nguyễn Đức Tuấn	Nam	Kinh	10A12	11A12	
34	H' Uôn Bkrông	Nữ	Ê Đê	10A12	11A12	
35	Lê Viết Vượng	Nam	Kinh	10A12	11A12	
36	Hoàng Thiện An	Nam	Kinh	Ctr	11A12	